

# **Công ty Cổ phần Everpia**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	2-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5-6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7-8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9-42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>965,002,664,647</b>	<b>968,737,739,912</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>148,619,923,129</b>	<b>49,634,206,005</b>
111 1. Tiền		91,352,294,506	23,331,309,278
112 2. Các khoản tương đương tiền		57,267,628,623	26,302,896,727
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>219,607,605,059</b>	<b>371,352,406,811</b>
121 1. Chứng khoán kinh doanh		51,896,871,527	113,752,362,169
123 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		188,802,301,853	258,100,000,000
129 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(21,091,568,321)	(499,955,358)
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>204,035,706,208</b>	<b>185,734,415,572</b>
131 1. Phải thu khách hàng	6	180,679,228,152	166,582,061,994
132 2. Trả trước cho người bán	6	29,077,667,055	21,436,698,492
136 3. Các khoản phải thu khác	7	22,266,175,041	24,521,509,675
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(27,987,364,040)	(26,805,854,589)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>375,896,944,974</b>	<b>354,022,012,376</b>
141 1. Hàng tồn kho		394,535,897,256	370,547,637,465
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18,638,952,282)	(16,525,625,089)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16,842,485,277</b>	<b>7,994,699,148</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4,845,840,527	2,533,917,334
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		11,996,644,750	5,460,781,814

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>342,673,963,022</b>	<b>299,182,767,581</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2,553,912,336</b>	<b>2,488,692,336</b>
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	2,553,912,336	2,488,692,336
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>163,386,246,738</b>	<b>173,780,752,330</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	162,060,439,191	171,676,849,021
222 - Nguyên giá		593,746,952,243	586,475,682,118
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(431,686,513,052)	(414,798,833,097)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	1,325,807,547	2,103,903,309
228 - Nguyên giá		41,013,062,876	41,013,062,876
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(39,687,255,329)	(38,909,159,567)
<b>240 III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>713,076,900</b>	<b>55,418,410,869</b>
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	713,076,900	55,418,410,869
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>23,281,249,521</b>	<b>23,281,249,521</b>
251 1. Đầu tư vào công ty con		34,285,000,000	34,285,000,000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,590,390,000	11,590,390,000
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4,974,200,000	4,974,200,000
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27,568,340,479)	(27,568,340,479)
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>152,739,477,527</b>	<b>44,213,662,525</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	133,534,619,988	25,381,848,553
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	19,204,857,539	18,831,813,972
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1,307,676,627,669</b>	<b>1,267,920,507,493</b>

# Công ty Cổ phần Everpia

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>348,204,738,680</b>	<b>293,970,069,072</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>330,719,701,872</b>	<b>275,420,208,260</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	53,941,980,449	61,345,493,738
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	25,053,501,964	23,956,101,080
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7,968,634,522	10,181,092,281
314 4. Phải trả người lao động		18,866,262,912	20,858,066,440
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1,825,988,454	1,366,141,805
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1,045,356,837	836,055,510
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	222,017,976,734	156,877,257,406
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>17,485,036,808</b>	<b>18,549,860,812</b>
336 1. Phải trả dài hạn khác	18	17,485,036,808	18,549,860,812
<b>400 B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>959,471,888,989</b>	<b>973,950,438,421</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>959,471,888,989</b>	<b>973,950,438,421</b>
411 I. 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]		419,797,730,000	419,797,730,000
411a -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419,797,730,000	419,797,730,000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		192,482,251,897	203,072,724,247
415 3. Cổ phiếu quỹ		(17,168,214,050)	(76,000,000,000)
420 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6,894,570,248	4,359,780,385
421 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lũy kế		357,465,550,894	422,720,203,789
421a -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		330,461,495,176	362,195,488,658
421b -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		27,004,055,718	60,524,715,131
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1,307,676,627,669</b>	<b>1,267,920,507,493</b>



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

# Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Quý 2/2022	Quý 2/2021	6 tháng/ 2022	6 tháng/ 2021
1. Doanh thu bán hàng	22	226,197,394,931	472,292,766,820	413,823,490,395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	(88,101,968)	(387,447,153)	(448,215,754)
3. Doanh thu thuần về bán hàng	22	226,109,292,963	471,905,319,667	413,375,274,641
4. Giá vốn hàng bán	23	(155,079,870,033)	(314,469,761,000)	(284,465,343,481)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		71,029,422,930	157,435,558,667	128,909,931,160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	11,998,409,220	15,302,347,768	21,204,574,747
7. Chi phí tài chính	24	(21,435,446,387)	(27,598,078,565)	(22,931,415,466)
Trong đó: Chi phí lãi vay		(17,453,928,969)	(3,088,276,720)	(18,206,882,646)
8. Chi phí bán hàng	25	(38,243,675,167)	(75,116,889,906)	(79,406,670,248)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(17,968,906,054)	(35,954,162,051)	(35,876,071,968)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,379,804,542	34,068,775,913	11,900,348,225
11. Thu nhập khác		114,580,728	216,989,924	782,256,145
12. Chi phí khác		(27,101,213)	(140,851,204)	(568,175,621)
13. Lợi nhuận khác	26	87,479,515	76,138,720	214,080,524
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,467,284,057	34,144,914,633	12,114,428,749
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	(1,530,065,532)	(7,513,902,482)	(3,397,765,801)
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28	226,504,489	373,043,567	537,605,299
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,163,723,014	27,004,055,718	9,254,268,247

# Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lê Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng /2022	6 tháng/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01 1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>34,144,914,633</b>	<b>12,114,428,749</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02 Khấu hao tài sản cố định		17,665,775,717	18,194,676,011
03 (Hoàn nhập)/ Trích lập các khoản dự phòng		3,294,836,644	2,254,903,433
04 (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1,962,528,141	(589,298,085)
05 (Lãi) từ hoạt động đầu tư	23.2	(9,894,706,813)	(15,609,961,220)
06 Chi phí lãi vay	26	3,088,276,720	19,617,347,646
<b>08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>50,261,625,042</b>	<b>35,982,096,534</b>
09 Thay đổi các khoản phải thu		(27,716,048,488)	(47,908,645,876)
10 Thay đổi hàng tồn kho		(23,988,259,791)	(14,713,740,054)
11 Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13,054,542,177)	23,276,814,137
12 (Tăng)/Giảm khoản chứng khoán kinh doanh		82,447,103,605	(2,280,295,565)
13 Thay đổi chi phí trả trước		(110,464,694,628)	289,776,329
14 Tiền lãi vay đã trả		(3,091,074,604)	(1,042,173,603)
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8,396,768,131)	(8,871,223,939)
16 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(451,243,700)	(474,185,000)
<b>20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(54,453,902,872)</b>	<b>(15,741,577,037)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21 Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		47,434,063,844	(5,278,619,481)
22 Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1,674,116,568	584,000,000
23 Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(188,802,301,853)	(238,300,000,000)
24 Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		258,100,000,000	235,000,000,000
25 Tiền chi góp vốn cho các đơn vị khác		-	2,400,000,000
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10,496,565,898	13,040,947,186
<b>30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>128,902,444,457</b>	<b>7,446,327,705</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31 1. Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu, chuyển đổi từ cổ phiếu quỹ		(10,590,472,350)	-
32 Tiền chi do mua lại cổ phiếu đã phát hành		58,831,785,950	-
31 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		245,984,459,226	114,563,976,487
32 Tiền chi trả nợ gốc vay		(180,843,739,898)	(66,819,420,156)
33 Cổ tức đã trả cho cổ đông		(89,272,675,050)	(36,645,688,650)
<b>40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>24,109,357,878</b>	<b>11,098,867,681</b>
<b>50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>98,557,899,463</b>	<b>2,803,618,349</b>
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	49,634,206,005	41,344,568,854
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		427,817,661	386,355,168
<b>70 Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>148,619,923,129</b>	<b>44,534,542,371</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 0111033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và các chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 1.235 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.228 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 1 công ty con, thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

*Công ty Cổ phần Everpia Korea*

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số A408-Hyeondae knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 để có được các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán quý của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ đi dòi nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Nhãn hiệu, kênh phân phối*

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với ông Nguyễn Hoài Thanh vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian còn lại của hợp đồng thuê và thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

*Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng*

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	99,255,673	180,847,013
Tiền gửi ngân hàng	91,253,038,833	23,150,462,265
Các khoản tương đương tiền (*)	57,267,628,623	26,302,896,727
	<u>148,619,923,129</u>	<u>49,634,206,005</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng, công ty tài chính có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng hưởng lãi suất 3,0% đến 5%/năm (2021: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng hưởng lãi từ 3,0% đến 4%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá Gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá Gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu (i)	-	-	-	93,360,000,000	93,360,000,000	-
Cổ phiếu (ii)	51,896,871,527	30,817,184,770	(21,091,568,321)	20,392,362,169	20,808,740,000	(499,955,358)
Công ty CP CK HCM	22,850,416,896	14,342,000,000	(8,508,416,896)	6,196,811,500	6,142,500,000	(54,311,500)
Tổng công ty Hàng Không VN	325,419	217,000	(108,419)	-	-	-
Công ty CP Thế giới Số	1,750,521,851	1,740,000,000	(10,521,851)	-	-	-
Tổng Cty CP Bảo Hiểm HK	152,518,436	164,400,000	-	-	-	-
Công ty CP Hòa Phát	-	-	-	12,003,883,858	11,558,240,000	(445,643,858)
Công ty Chứng Khoán SSI	27,172,601,155	14,600,080,000	(12,572,521,155)	2,191,666,811	3,108,000,000	-
Chi phí cộng dồn	(29,512,230)	(29,512,230)	-	-	-	-
	<b>51,896,871,527</b>	<b>30,817,184,770</b>	<b>(21,091,568,321)</b>	<b>113,752,362,169</b>	<b>114,168,740,000</b>	<b>(499,955,358)</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	188,802,301,853	188,802,301,853	258,100,000,000	258,100,000,000
	<b>188,802,301,853</b>	<b>188,802,301,853</b>	<b>258,100,000,000</b>	<b>258,100,000,000</b>

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 4.1%/năm đến 6,3%/năm (2021: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6.9%/năm đến 7.5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty CP Welcron GL Việt Nam	5,291,350,559	5,321,675,890
Công ty TNHH MM Mega Market VN	3,433,166,985	4,165,344,026
Medline Industries, INC	4,894,236,541	6,167,112,259
Cty TNHH TM DV Tam Tài	4,603,110,646	2,404,915,559
PAN-PACIFIC CO.,LTD	6,046,277,014	1,240,758,678
BIANCA FASHION LIMITED	5,027,966,889	197,489,714
HA HAE corporation	10,649,799,230	683,530,050
Công Ty Cổ Phần Dịch VỤ Xuân Khiếu	2,226,152,306	2,625,379,141
Các khoản phải thu khách hàng khác	138,507,167,982	143,775,856,677
	<b><u>180,679,228,152</u></b>	<b><u>166,582,061,994</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(16,637,518,623)	(15,352,861,972)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Trả trước cho nhà cung cấp	29,077,667,055	21,436,698,492
	<b><u>29,077,667,055</u></b>	<b><u>21,436,698,492</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	11,349,845,417
Đặt cọc tiền thuê đất	-	5,038,344,000
Lãi tiền gửi và cho vay	2,136,875,166	3,636,611,547
Tạm ứng cho nhân viên	5,367,563,257	2,265,664,481
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	347,397,965	347,397,965
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	1,168,241,076	1,168,241,076
Phải thu ngắn hạn khác	1,896,252,160	715,405,189
	<u>22,266,175,041</u>	<u>24,521,509,675</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11,349,845,417)	(11,452,992,617)
<b>Dài hạn</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,553,912,336	2,488,682,336
Phải thu khác	-	-
	<u>2,553,912,336</u>	<u>2,488,682,336</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	-	-

**8. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Các khoản phải thu khác	29,216,414,434	12,578,895,811	29,113,267,434	13,760,405,462
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	-	11,452,992,617	-
	<u>40,566,259,851</u>	<u>12,578,895,811</u>	<u>40,566,260,051</u>	<u>13,760,405,462</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Hàng mua đang đi đường	6,097,816,631	5,735,532,397
Nguyên liệu, vật liệu	230,844,084,907	212,132,427,401
Thành phẩm	151,326,773,782	145,865,843,107
Hàng hoá	6,267,221,936	6,813,834,560
	<u><b>394,535,897,256</b></u>	<u><b>370,547,637,465</b></u>

**Chi tiết tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu	(10,114,239,546)	(10,540,999,759)
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(8,524,712,736)	(5,984,625,330)
	<u><b>(18,638,952,282)</b></u>	<u><b>(16,525,625,089)</b></u>

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Số đầu</b>	<b>16,525,625,089</b>	<b>16,378,940,506</b>
Cộng dự phòng trong năm	2,540,087,406	4,255,794,498
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(426,760,213)	(4,109,109,916)
<b>Số cuối</b>	<u><b>18,638,952,281</b></u>	<u><b>16,525,625,089</b></u>



Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2022	198,369,782,797	309,815,388,654	14,362,286,934	43,893,821,826	20,034,401,907	586,475,682,118
Tăng trong kỳ	-	11,062,868,744	-	-	-	11,062,868,744
Giảm trong kỳ	-	3,791,598,619	-	-	-	3,791,598,619
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>198,369,782,797</b>	<b>317,086,658,779</b>	<b>14,362,286,934</b>	<b>43,893,821,826</b>	<b>20,034,401,907</b>	<b>593,746,952,243</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2022	109,362,878,523	243,079,793,673	14,121,427,516	30,527,274,035	17,707,459,350	414,798,833,097
Trích vào chi phí trong kỳ	6,115,207,092	8,896,297,565	153,745,131	1,435,741,254	311,688,915	16,912,679,957
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	25,000,002	25,000,002
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>115,478,085,615</b>	<b>251,976,091,238</b>	<b>14,275,172,647</b>	<b>31,963,015,289</b>	<b>17,994,148,263</b>	<b>431,686,513,052</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2022	89,006,904,274	66,735,594,981	240,859,418	13,366,547,791	2,326,942,557	171,676,849,021
Tại ngày 30/06/2022	82,891,697,182	65,110,567,541	87,114,287	11,930,806,537	2,040,253,644	162,060,439,191

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	24,566,385,000	7,831,500,000	7,928,284,189	686,893,687	41,013,062,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>24,566,385,000</b>	<b>7,831,500,000</b>	<b>7,928,284,189</b>	<b>686,893,687</b>	<b>41,013,062,876</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	22,980,335,639	7,831,500,000	7,410,430,241	686,893,687	38,909,159,567
Trích vào chi phí trong năm	731,595,762	-	46,500,000	-	778,095,762
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>23,711,931,401</b>	<b>7,831,500,000</b>	<b>7,456,930,241</b>	<b>686,893,687</b>	<b>39,687,255,329</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2022	1,586,049,361	-	517,853,948	-	2,103,903,309
Tại ngày 30/06/2022	854,453,599	-	471,353,948	-	1,325,807,547

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền cho hợp đồng xin chứng chỉ xanh khi xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Giảng điền

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)					
- Công ty Cổ phần Everpia Korea	34,285,000,000	(15,425,858,966)	34,285,000,000	(15,425,858,966)	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	12,790,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)	
- Công ty Cổ phần Texpia	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	4,974,200,000	(552,91,513)	4,974,200,000	(552,91,513)	
	<b>50,849,590,000</b>	<b>(27,568,340,479)</b>	<b>50,849,590,000</b>	<b>(27,568,340,479)</b>	

(\*) Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

#### 13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Số cuối năm	Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia (*)	44%	44%

(\*) Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 2 tháng 4 năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Texpia đã hoàn thành việc quyết toán thuế cũng như các thủ tục với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai và đang tiếp tục làm việc với các cơ quan khác liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4,014,200,000	4,014,200,000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960,000,000	960,000,000
	<u>4,974,200,000</u>	<u>4,974,200,000</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 309,600 cổ phiếu và giá trị là 4,014,200,000 đồng.

Công ty CP Hyojung Soft Tech: Số lượng cổ phiếu đầu tư là 96,000

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	2,836,736,848	1,844,791,682
Bảo hiểm cháy nổ	431,979,151	64,456,150
Quảng cáo	1,306,917,042	252,275,454
Chi phí khác	270,207,486	372,394,048
	<u>4,845,840,527</u>	<u>2,533,917,334</u>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất Giang Điền (*)	110,749,580,575	-
Tiền thuê Showroom	8,830,968,421	9,858,910,356
Tiền thuê showroom Nha Trang	7,018,060,228	7,181,270,926
Chi phí thi công Showroom	3,294,097,055	3,426,539,580
Phụ tùng máy móc thiết bị quản lý	3,290,658,793	3,867,728,255
Chi phí dài hạn khác	351,254,916	1,047,399,436
	<u>133,534,619,988</u>	<u>25,381,848,553</u>

(\*) Tiền thuê đất tại Khu Công Nghiệp Giang Điền với thời gian thuê là 50 năm. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê này trong năm 2022. Công ty sẽ tiến hành xây dựng nhà máy mới tại địa điểm này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	53,941,980,449	53,941,980,449	61,345,493,738	61,345,493,738
	<b>53,941,980,449</b>	<b>53,941,980,449</b>	<b>61,345,493,738</b>	<b>61,345,493,738</b>
Phải trả cho bên liên quan (TM 29)	6,576,718,329	6,576,718,329	8,700,867,008	8,700,867,008
Phải trả cho người bán	47,365,262,120	47,365,262,120	52,644,626,730	52,644,626,730

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	Khách hàng trả tiền trước	25,053,501,965
	<b>25,053,501,965</b>	<b>23,956,101,080</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Thuế giá trị gia tăng	2,267,454,244	2,126,909,518
Thuế xuất, nhập khẩu	99,811,732	99,811,732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,782,485,464	5,651,583,919
Thuế thu nhập cá nhân	796,046,975	2,264,927,010
Các loại thuế khác	36,603,301	37,860,102
	<b>7,982,401,715</b>	<b>10,181,092,281</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Chi phí phải trả khác	1,825,988,454	1,366,141,805
	<u>1,825,988,454</u>	<u>1,366,141,805</u>
Trong đó		
Phải trả đối tượng khác	1,825,988,454	1,366,141,805

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Ngắn hạn</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Lãi vay phải trả	66,873,183	52,143,567
Kinh phí công đoàn	589,916,408	406,636,750
Bảo hiểm xã hội	66,944,788	63,826,689
Phải trả- phải nộp khác	321,622,458	313,448,504
	<u>1,045,356,837</u>	<u>836,055,510</u>
<b>Dài hạn</b>		
Trợ cấp thôi việc	14,605,222,494	15,670,046,498
Chi phí hoàn nguyên công trình	2,762,996,314	2,762,996,314
Phải trả dài hạn khác	116,818,000	116,818,000
	<u>17,485,036,808</u>	<u>18,549,860,812</u>

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	30/06/2022		Tăng/ Giảm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	222,017,976,734	222,017,976,734	245,984,459,226	180,239,400,433	156,272,917,941	156,272,917,941
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-		604,339,465	604,339,465	604,339,465
	<b>222,017,976,734</b>	<b>222,017,976,734</b>	<b>245,984,459,226</b>	<b>180,843,739,898</b>	<b>156,877,257,406</b>	<b>156,877,257,406</b>



## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

#### Các khoản vay ngân hàng

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13,633,781,805	USD 582,267	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.4%-1.8%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	89,066,544,579	USD 3,803,824.24	Vay ngắn hạn 6 tháng	Từ 1.3% đến 2.1%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	94,575,298,376	VND 94,575,298,376	Vay ngắn hạn 179 ngày	4.5%- 4.8%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng CP Woori Bank	24,742,351,974	VND 24,742,351,974	Vay ngắn hạn 6 tháng	4,8%	Tin chấp
<b>Trong đó</b>	<b>222,017,976,734</b>				
Vay ngắn hạn	<b>222,017,976,734</b>				
Vay dài hạn đến hạn trả	<b>0</b>				
Vay dài hạn	<b>0</b>				

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(76,000,000,000)</b>	<b>2,273,497,330</b>	<b>402,289,772,460</b>	<b>951,433,724,037</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	60,524,715,131	60,524,715,131
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2,102,846,552	(2,102,846,552)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(37,991,437,250)	(37,991,437,250)
Giảm khác	-	-	-	(16,563,497)	-	(16,563,497)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(76,000,000,000)</b>	<b>4,359,780,385</b>	<b>422,720,203,789</b>	<b>973,950,438,421</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27,004,055,718	27,004,055,718
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2,986,033,563	(2,986,033,563)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(41,031,361,450)	(41,031,361,450)
Cổ phiếu thường	-	(10,590,472,350)	58,831,785,950	-	(48,241,313,600)	-
Giảm khác	-	-	-	(451,243,700)	-	(451,243,700)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2022</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>192,482,251,897</b>	<b>(17,168,214,050)</b>	<b>6,894,570,248</b>	<b>357,465,550,894</b>	<b>959,471,888,989</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	192,482,251,897	192,482,251,897	203,072,724,247	203,072,724,247
Cổ phiếu quỹ	(17,168,214,050)	(17,168,214,050)	(76,000,000,000)	(76,000,000,000)
	<u>595,111,767,847</u>	<u>595,111,767,847</u>	<u>546,870,454,247</u>	<u>546,870,454,247</u>

**20.3 Cổ tức**

	Năm nay	Năm ngoài
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>41,031,361,450</b>	<b>37,991,437,250</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông Cổ tức bằng tiền cho năm 2021: 1,000 VND/ cổ phiếu( năm 2020: 1,000 VND/ cổ phiếu	41,031,361,450	37,991,437,250
<b>Cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ</b>	<b>48,241,313,600</b>	-
Cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ	48,241,313,600	-

Theo nghị quyết của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã tiến hành chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ, tỷ lệ chia thưởng là 100:8.

**20.4 Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(888,184)</b>	<b>(3,931,800)</b>
Cổ phiếu phổ thông	(888,184)	(3,931,800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41,091,589</b>	<b>38,047,973</b>
Cổ phiếu phổ thông	41,091,589	38,047,973
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/ cổ phiếu (năm 2021: 10.000 VND/ cổ phiếu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**20.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2022/NQ ngày 24 tháng 4 năm 2022 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	30,160,675,690	30,160,675,690
Dự phòng phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia (xóa sổ từ năm 2018)	(30,160,675,690)	(30,160,675,690)
Phải thu khác	2,389,798,881	2,389,798,881
Dự phòng phải thu khác	(2,389,798,881)	(2,389,798,881)
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	754,622.30	439,132.50
- Euro (EUR)	1,029.59	84,435.03

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	281,420,831,957	250,652,074,212
Doanh thu thành phẩm bông	149,731,618,647	121,659,146,208
Doanh thu bán khăn	40,720,403,049	40,890,574,502
Doanh thu khác	419,913,167	621,695,473
	<u>472,292,766,820</u>	<u>413,823,490,395</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	387,447,153	448,215,754
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<u>387,447,153</u>	<u>448,215,754</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<u><b>471,905,319,667</b></u>	<u><b>413,375,274,641</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Lãi tiền gửi	9,770,922,484	14,947,017,284
Lãi từ đầu tư	2,327,953,304	3,764,372,303
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,079,687,651	2,275,185,160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	123,784,329	218,000,000
	<u><b>15,302,347,768</b></u>	<u><b>21,204,574,747</b></u>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Giá vốn thành phẩm chân ga, đệm	182,732,368,516	174,592,808,366
Giá vốn thành phẩm bông	93,754,478,698	74,513,031,763
Giá vốn hàng khăn	37,982,913,785	35,359,503,352
	<u><b>314,469,761,000</b></u>	<u><b>284,465,343,481</b></u>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Chi phí tiền vay	3,088,276,720	18,206,882,646
Dự phòng tài chính	20,640,898,201	887,544,524
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,868,903,644	2,342,449,468
Chi phí tài chính khác	-	1,494,538,828
	<u><b>27,598,078,565</b></u>	<u><b>22,931,415,466</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6 tháng /2022	6 tháng /2021
- Chi phí nhân công	32,862,730,988	36,686,851,102
- Chi phí nguyên vật liệu	2,554,032,350	33,424,890,858
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1,081,456,063	3,765,042,824
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37,514,778,744	1,171,119,086
- Chi phí khác	1,103,891,761	4,358,766,378
	<b>75,116,889,906</b>	<b>79,406,670,248</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ</b>	<b>6 tháng /2022</b>	<b>6 tháng /2021</b>
- Chi phí nhân công	22,414,294,262	22,308,520,576
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2,660,235,613	3,391,471,942
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,122,900,677	6,921,940,314
- Chi phí khác	1,756,731,499	3,254,139,136
	<b>35,954,162,051</b>	<b>35,876,071,968</b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

Thu nhập khác	6 tháng /2022	6 tháng /2021
Thanh lý nhượng bán TSCĐ		
Thu nhập khác	216,989,924	782,256,145
	<b>216,989,924</b>	<b>782,256,145</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>6 tháng /2022</b>	<b>6 tháng /2021</b>
Thanh lý nhượng bán TSCĐ		
Chi phí khác	140,851,204	568,175,621
	<b>140,851,204</b>	<b>568,175,621</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246,590,041,438	248,014,204,866
Chi phí nhân công	93,616,242,180	88,071,649,934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,665,775,717	18,194,676,011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67,680,784,550	34,501,913,337
Chi phí khác bằng tiền	5,448,899,748	5,711,596,164
	<u>431,001,743,633</u>	<u>394,494,040,312</u>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Đơn vị tính: VND*

	<u>6 tháng /2022</u>	<u>6 tháng /2021</u>
Lợi nhuận trước thuế	34,144,914,633	12,114,428,749
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1,194,827,848	86,000,000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4,619,425,624	4,960,400,256
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>37,569,512,409</b>	<b>16,988,829,005</b>
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>37,569,512,409</i>	<i>16,988,829,005</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,513,902,483	3,397,765,801
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7,513,902,483</b>	<b>3,397,765,801</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**28.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	6 tháng /2022	6 tháng/2021
<b>Tài sản thuế hoãn lại</b>				
Doanh thu bán phiếu mua hàng	-	-	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	3,727,790,456	3,305,125,017	422,665,439	690,021,514
Dự phòng phải thu khó đòi	12,053,349,192	11,817,047,302	236,301,890	(199,268,619)
Chi phí phá dỡ nhà xưởng	497,339,333	442,079,407	55,259,926	55,259,926
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,921,044,500	3,134,009,300	(212,964,800)	(217,281,115)
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	219,659,627	184,273,133	35,386,494	130,128,429
<b>Tổng</b>	<b>19,419,183,108</b>	<b>18,882,534,159</b>	<b>536,648,949</b>	<b>458,860,135</b>
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(214,325,569)	(50,720,187)	(163,605,382)	78,745,164
<b>Tổng</b>	<b>(214,325,569)</b>	<b>(50,720,187)</b>	<b>(163,605,382)</b>	<b>78,745,164</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>				
	<b>19,204,857,539</b>	<b>18,831,813,972</b>	<b>373,043,567</b>	<b>537,605,299</b>

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	6 tháng /2022	Năm 2021
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Nguyên vật liệu	57,325,971,582	84,535,366,748
		Dịch vụ	2,229,963,353	9,569,747,511

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho quý tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Số dư cuối năm của các khoản phải trả với bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Phải thu/(Phải trả)	
			30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Hàng hóa, Dịch vụ	6,576,718,329	8,700,867,008

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc Công ty:

**Thù lao thành viên Hội Đồng Quản trị**

	Đơn vị tính: VND	
	6 tháng/2022	6 tháng/2021
Cho Yong Hwan	-	-
Lee Jae Eun	-	-
Yu Sung Dae	-	-
Park Sung Jin	-	-
Le thị Thu Hiền	-	21,600,000
Lê Khả Tuyên	43,200,000	43,200,000
Nguyễn Lê Hoàng Yến	28,800,000	43,200,000
	<b>72,000,000</b>	<b>108,000,000</b>

**Tiền lương Tổng Giám Đốc và người quản lý khác**

	6 tháng/2022	6 tháng/2021
Lee Jae Eun	2,698,953,856	3,013,809,206
Cho Yong Hwan	1,215,888,706	1,460,825,602
Yu Sung Dae	1,272,703,136	1,274,946,804
	<b>5,187,545,698</b>	<b>5,749,581,612</b>

**Thù lao thành viên Ban Kiểm soát**

	6 tháng/2022	6 tháng/2021
Trương Tuấn Nghĩa	43,200,000	43,200,000
Ko Tae Yeon	43,200,000	43,200,000
Nguyễn Đắc Hương	43,200,000	43,200,000
	<b>129,600,000</b>	<b>129,600,000</b>

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong năm và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

**32. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH TĂNG/ GIẢM CỦA LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC**

Công ty CP Everpia xin giải trình tăng/ giảm của lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch tuyệt đối	Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 2	278,626,719,390	226,109,292,963	52,517,426,427	23%
Lợi nhuận sau thuế Quý 2	12,307,157,309	4,163,723,014	8,143,434,295	196%

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch tuyệt đối	Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng 6 tháng	471,905,319,667	413,375,274,641	58,530,045,026	14%
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng	27,004,055,717	9,254,268,247	17,749,787,470	192%

Công ty cổ phần Everpia xin giải trình tăng/ giảm doanh số và lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Tiếp tục đà tăng trưởng của Quý 1, doanh thu và lợi nhuận quý 2 năm 2022 tăng trưởng lần lượt là 23% và 190% so với cùng kỳ năm 2021.

Xét về doanh thu, doanh thu ngành hàng Bông tằm tăng trưởng ấn tượng 25% nhờ vào i) doanh số từ các nhóm khách hàng mới, ii) khả năng sản xuất được những sản phẩm chân đòi hỏi độ khó về kỹ thuật giúp công ty không chỉ nhận được các đơn hàng Chân gia công mà cả Bông tằm để làm Chân bông, iii) tỷ trọng đơn hàng từ các khách hàng truyền thống tăng nhờ vào sự sôi nổi trở lại của các hoạt động thể thao ngoài trời.

Doanh thu ngành hàng Chân ga gối đệm đạt 182.7 tỷ đồng, tăng 5% so với Q2.2021, trong đó xuất khẩu chân ga tăng 78%. Các hoạt động còn lại gồm bán lẻ trong nước (B2C), đơn hàng khách sạn (B2B) và bán online tăng trưởng lần lượt là 2%, 16% và 23%.

Sự phục hồi của kinh tế Châu Âu và kết nối các chuỗi cung ứng giúp bình thường hóa các hoạt động xuất khẩu đã giúp ngành hàng Khăn dần hoạt động ổn định trở lại với sự tăng trưởng nhẹ 7% về doanh thu.

Xét về lợi nhuận, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận 70 tỷ như đã được ĐHCĐ giao phó là một trong các mục tiêu hoạt động chính trong kỳ. Do đó, các hoạt động cải tổ nhằm tăng năng suất, giảm chi phí tại từng phân xưởng tiếp tục được chú trọng. Giao chỉ tiêu lợi nhuận cho từng nhóm kinh doanh để các bộ phận vừa có thể chủ động hoạt động vừa kiểm soát tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng cho từng đơn hàng. Những nỗ lực này đã giúp lợi nhuận quý 2 năm 2022 tăng 190% so với cùng kỳ tương ứng với giá trị tuyệt đối đạt 12.3 tỷ đồng.

Doanh thu Quý 1 và Quý 2 tăng trưởng lần lượt 3% và 23%, lợi nhuận Quý 1 và Quý 2 tăng trưởng lần lượt 224% và 190% so với cùng kỳ năm 2021 đã góp phần đưa lũy kế doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng lần lượt 14% và 208% so với 6 tháng đầu năm năm 2021.

Với những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, công ty sẽ tiếp tục các bước tiến trong 6 tháng tiếp theo để đạt được mục tiêu mà các cổ đông đã giao phó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2022